

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION

Kính gửi/To: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
THE STATE SECURITIES COMMISSION

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)
Company name: PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
Address: 20th Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City.

Điện thoại/Tel: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin/The authorized person to disclose information: Ông/Mr. Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin/Type of disclosed information:

24h Bất thường/Irregular Định kỳ/Regular Theo yêu cầu/On demand

Nội dung của thông tin công bố/Disclosed information:

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng trân trọng công bố thông tin như sau:
Phu Hung Fund Management JSC. respectfully discloses information as follows:

- Báo cáo thường niên năm 2024.
Annual report 2024.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: <http://phfm.vn>
This information is disclosed on PHFM's portal at: <http://phfm.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We undertake that all information provided herein is true and shall be legally responsible for the disclosed information.

Hồ sơ đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo.
Report.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu ĐT/Archived at Investment Dept..

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.



Ông/Mr. LU, HUI-HUNG
Tổng Giám đốc
General Director

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN
LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2025/BC-KSNB-PHFM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Vụ quản lý các công ty quản lý quỹ và
Quỹ đầu tư chứng khoán.

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/02/2025.
- Vốn điều lệ: 63.180.000.000VND (Sáu mươi ba tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84-28) 5413 7991
- Website: www.phfm.vn
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Tiền thân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM) là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng (VCMC). VCMC được thành lập vào cuối năm 2007 tại Hà Nội với vốn điều lệ 28.000.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
 - o **Năm 2013**, để phù hợp cho định hướng và mục tiêu hoạt động, Công ty chính thức chuyển địa chỉ trụ sở chính từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM), tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
 - o Cũng trong năm này, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lên 39.000.000.000 đồng và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - o **Năm 2016**, Công ty thành lập quỹ thành viên đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam.
 - o **Năm 2017**, Công ty tiếp tục thành lập quỹ thành viên thứ hai mang tên Quỹ Đầu tư Phát triển Hàng Thông.

- Năm 2021, Công ty chuyển trụ sở chính về Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2022, Công ty được cấp giấy phép lập Quỹ đại chúng đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam.
- Năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lên 63.180.000.000 đồng.
- Năm 2025, Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2023 và năm 2024:

- ✓ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- ✓ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh

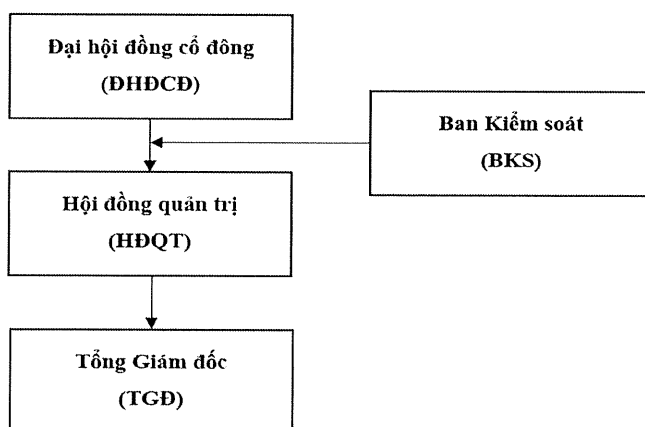
Địa bàn kinh doanh chính của Công ty trong năm 2023 và năm 2024 là Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD).

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính;
- Hàng năm, thông qua báo cáo của HĐQT, BKS và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

- ❖ Hội đồng quản trị
 HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
 - Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban TGD;
 - Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
 - Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - ❖ Ban Kiểm soát
 BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:
 - Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban TGD;
 - Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - ❖ Tổng Giám đốc
 TGD do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. TGD có nhiệm vụ:
 - Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
 - Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
 - Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Kế toán trưởng;
 - Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
 - Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
 - Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- c) Công ty con, công ty liên kết: không có.

1.4. Định hướng phát triển

- a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong năm 2024, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Phát triển và quản lý có hiệu quả đáp ứng được các mục tiêu đầu tư đa dạng của nhà đầu tư với các khẩu vị rủi ro khác nhau. Trở thành cầu nối cho Nhà đầu tư nước ngoài đến với thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng đến mục tiêu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông và nhà đầu tư, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hướng tới quản lý hiệu quả nguồn vốn của nhà đầu tư, tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững. Luôn hướng tới cải thiện hiệu quả sản phẩm hiện hữu và nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

Tối ưu hóa hiệu quả vận hành và quản lý thông qua ứng dụng công nghệ, nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua nền tảng giao dịch và ứng dụng di động hiện đại, thuận tiện.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty không gây ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến môi trường, Công ty đưa tinh thần và hành động sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và tài nguyên trở thành một phần trong văn hóa Công ty, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động đến môi trường. Các biện pháp kiểm tra, giám sát việc tuân thủ luôn được thực thi một cách nghiêm túc như một cam kết bền vững của Công ty trong việc bảo vệ môi trường xanh.

1.5. Các rủi ro

- Rủi ro nền kinh tế

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng và phát triển chung của nền kinh tế cả nước. Khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực sẽ là yếu tố tạo đà cho sự phát triển thuận chiều trong việc đầu tư chứng khoán.

Bên cạnh tốc độ tăng trưởng thì những biến động của các chỉ tiêu kinh tế khác như: lạm phát, chính sách quản lý lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT và TGD luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô để có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Rủi ro hoạt động

Rủi ro trong quá trình hoạt động bao gồm việc cung cấp sai số liệu NAV (giá trị tài sản ròng) của các quỹ đang quản lý dẫn tới việc Công ty quản lý quỹ phải đền bù cho nhà đầu tư, gây tổn hại đến tài chính của Công ty. Công ty sẽ giảm thiểu rủi ro này bằng cách theo dõi và kịp thời điều chỉnh khi nhận được thông báo và yêu cầu từ Ngân hàng lưu ký/ giám sát hoặc ngược lại.

- Rủi ro pháp lý

Dịch vụ tài chính là ngành được kiểm soát rất chặt chẽ và ngày càng bị điều tiết nhiều hơn. Sự theo dõi gắt gao này có thể dẫn đến rủi ro gia tăng các nghĩa vụ của Công ty, các chi phí về pháp lý, tuân thủ và các chi phí khác có liên quan. Việc tăng cường kiểm tra giám sát cũng có thể làm trầm trọng thêm gánh nặng hành chính đối với Công ty.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, nhân viên Kiểm soát tuân thủ luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản, quy định mới đảm bảo các bộ phận thực hiện công việc theo đúng quy định của pháp luật.

- Rủi ro khác

Các rủi ro khác (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, v.v...) tuy khả năng xảy ra là rất thấp nhưng đây là loại rủi ro hoàn toàn có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại về con người, tài sản và những tổn thất lớn khác. HĐQT và TGD Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp diễn tập, truyền thông nội bộ định kỳ để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	32.895.046.684
2	Vốn chủ sở hữu	31.349.919.193
3	Doanh thu thuần	5.075.467.842
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(13.490.957.740)
5	Lợi nhuận trước thuế	(13.574.087.554)
6	Lợi nhuận sau thuế	(13.574.087.554)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2024 lỗ so với kế hoạch, tương đương 6.447.862.253đ. Tổng doanh thu năm 2024 thấp hơn 53,59% so với kế hoạch năm, tương đương 5.859.844.918đ. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi, dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhưng giảm đáng kể về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ, dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư.

2.2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Tổng Giám Đốc : Lu, Hui-Hung
 Giới tính : Nam
 Quốc tịch : Đài Loan
 Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Phó Tổng Giám Đốc : Shiu, Jingshia
 Giới tính : Nữ
 Quốc tịch : Đài Loan
 Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Phó Tổng Giám Đốc : Hồ Thúy Ái
 Giới tính : Nữ
 Quốc tịch : Việt Nam
 Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

- Những thay đổi trong Ban điều hành
 - Cuộc họp HĐQT diễn ra vào ngày 17/01/2024 (Biên bản họp số 01/2024/NQ-HĐQT) đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đối với Bà Kuo, Ping-Min, kể từ ngày 16/02/2024.
 - Cuộc họp HĐQT diễn ra vào ngày 02/04/2024. (Biên bản họp số 03/2024/NQ-HĐQT) đã thông qua việc bổ nhiệm Bà Hồ Thúy Ái giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng, phụ trách quản lý đầu tư, tuân thủ, vận hành kể từ ngày 02/04/2024.
- Số lượng nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
 - Thời điểm 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 31 người.
 - Trong điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc của người lao động là 40 giờ/ tuần, thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ.
 - Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
 - Nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Nếu yêu cầu công việc phải đi công tác xa, nhân viên sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.
 - Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp và cạnh tranh với đặc trưng ngành nghề hoạt động của Công ty, bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật.
 - Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm y tế, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho nhân viên theo quy định của pháp luật.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn
 Trong năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng theo các hình thức như sau:
 - Có kỳ hạn dưới 03 tháng có tổng giá trị là 14 tỷ 190 triệu đồng;
 - Có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng có tổng giá trị là 23 tỷ 390 triệu đồng;
 - Có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tổng giá trị là 0 tỷ đồng
 - Không kỳ hạn có tổng giá trị là 0 tỷ đồng.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

2.4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	23.125.142.795	32.895.046.684	42,25%

2	Doanh thu thuần	6.118.140.635	5.075.467.842	-17,05%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.849.418.392)	(13.490.957.740)	71,86%
4	Lợi nhuận khác	(70.000.000)	(83.129.814)	18,57%
5	Lợi nhuận trước thuế	(7.919.418.429)	(13.574.087.554)	71,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	(7.919.418.429)	(13.574.087.554)	71,40%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(2.031)	(2.148)	5,81%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	7	13
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Lần	7	13
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	10,30%	4,70%
2.2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	11,48%	4,93%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
3.2	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Lần	0,23	0,18
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-129,44%	-267,47%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	-38,18%	-43,30%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	-34,25%	-41,26%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	-128,30%	-265,81%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn)/ cổ phần
- Tổng số chứng khoán đang lưu hành : 6.318.000 cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán tự : 6.318.000 cổ phiếu do chuyển nhượng.
- Số lượng chứng khoán bị : 0 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước:	3.474.900	55,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	3.474.900	55,00
2	Cổ đông nước ngoài:	2.843.100	45,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	2.843.100	45,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	0	0,00
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00
	TỔNG CỘNG	6.318.000	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần:	6.318.000	100,00
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	3.474.900	55,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	2.843.100	45,00
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn cổ phần:	0	0,00
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	0	0,00
	TỔNG CỘNG	6.318.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- ✓ Tăng vốn đợt 01: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 28.000.000.000 đồng lên 39.000.000.000 đồng
 - Thời gian phát hành: Tháng 09/2013
 - Tổng giá trị phát hành: 11.000.000.000 đồng
 - Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- ✓ Tăng vốn đợt 02: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 39.000.000.000 đồng lên 63.180.000.000 đồng
 - Thời gian phát hành: Tháng 03/2024
 - Tổng giá trị phát hành: 24.180.000.000 đồng

- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán, nên không có bất cứ tác động nào liên quan đến môi trường và xã hội, cụ thể như sau:

- 1) Tác động lên môi trường
 - Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có.
 - Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có.
- 2) Quản lý nguồn nguyên vật liệu
 - Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có.
 - Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.
- 3) Tiêu thụ năng lượng
 - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: không có.
 - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
 - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.
- 4) Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
 - Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không có.
 - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.
- 5) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
 - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- 6) Chính sách liên quan đến người lao động
 - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - ✓ Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2024: 31 người
 - ✓ Mức lương trung bình đối với người lao động: 19.000.000 đồng/ người/ tháng
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - ✓ Nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, khang trang, hiện đại và tiện lợi nhất.
 - ✓ Tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, đồng thời yêu cầu nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của tòa nhà và của công ty.
 - ✓ Chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện theo đúng quy định của công ty và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
 - Hoạt động đào tạo người lao động
 - ✓ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 1 - 2 ngày mỗi quý.

- ✓ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: hỗ trợ chi phí và điều kiện về thời gian để nhân viên được đào tạo, thi sát hạch lấy chứng chỉ hành nghề trong ngành chứng khoán, quản lý quỹ.

7) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không có.

8) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2024 – đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng năm 2024 so với năm 2023:

- ✓ Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ giảm 17,05% so với năm 2023;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế giảm 71,40% so với năm 2023;
- ✓ Lợi nhuận sau thuế giảm 71,40% so với năm 2023;
- ✓ Tổng tài sản Công ty tăng 42,25% so với năm 2023.
- ✓ Năm 2024 lỗ so với kế hoạch, tương đương 6.447.862.253đ. Tổng doanh thu năm 2024 thấp hơn 53,59% so với kế hoạch năm, tương đương 5.859.844.918đ. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi, dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhưng giảm đáng kể về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ, dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư.

Dự kiến trong năm tới hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định và phát triển hơn, kết quả thu được sẽ khả quan hơn.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Tiếp tục mở rộng quy mô kinh doanh trong năm 2024
- Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024;
- Cải tiến quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý.

3.2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản

- ✓ Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2024 là 32.895.046.684đ tăng 42,25% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 59,83% và tài sản dài hạn chiếm 40,17%.
- ✓ Tài sản ngắn hạn tăng 1.717.284.389đ, đạt 19.679.978.195đ cuối năm 2024, tương đương mức tăng 9,56% so với năm 2023.
- ✓ Tài sản dài hạn tăng 8.052.619.500đ, đạt 13.215.068.489đ cuối năm 2024, tương đương mức tăng 155,98% so với năm 2023.
- ✓ Trong năm 2024, tình hình tài sản của Công ty tăng 42,25% so với năm 2023.

- Tình hình nợ phải trả

- ✓ Nợ phải trả của Công ty tính đến 31/12/2024 là 1.545.127.491đ giảm 35,11% so với cùng kỳ năm 2023.
- ✓ Năm 2024, nợ ngắn hạn ghi nhận mức 1.545.127.491đ, chiếm 100% nợ phải trả, giảm 35,11% so với cùng kỳ năm trước.
- ✓ Công ty không có nợ dài hạn phải trả.
- ✓ Trong năm 2024, các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán. Cũng trong năm này, Công

ty không có bất kỳ khoản vay trong và ngoài nước vì vậy sẽ không chịu ảnh hưởng đến từ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2024, từng bộ phận dần được hoàn thiện và đi vào hoạt động khá ổn định, hiệu quả. Đồng thời, TGD gia tăng hoạt động giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả làm việc của nhân viên và các bộ phận trong Công ty. Các chính sách quản lý cũng được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của TGD.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong môi trường kinh doanh mà công nghệ số đang đóng vai trò quan trọng trong các dịch vụ tài chính, PHFM đang cố gắng nhanh chóng nâng tầm thương hiệu của mình bằng cách tung ra các chiến lược quảng bá trên các phương tiện truyền thông. Dựa trên những thành tựu mà PHFM đã đạt được trong năm 2024, PHFM sẽ tập trung nguồn lực để thành lập và vận hành quỹ mở, mở rộng quy mô tổng giá trị tài sản quản lý (AUM) đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, tăng cường năng lực tài chính bằng cách đa dạng hóa nguồn thu và tiếp tục biên soạn, hoàn thiện các quy chế và quy trình nội bộ để đáp ứng yêu cầu của pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến của Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v.): PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán nên không có các ảnh hưởng đến các chỉ tiêu môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật lao động về quyền lợi của người lao động, luôn đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội và nhân viên luôn được tạo các điều kiện tốt nhất trong quá trình làm việc.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn tuân thủ mọi quy định của pháp luật đối với cộng đồng, xã hội, địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024, Công ty đã có kết quả hoạt động kinh doanh như sau, doanh thu thuần đạt 5.075.467.842đ, giảm 17,04% so với năm 2023. Các chỉ số hợp nhất về khả năng sinh lời như hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần với kết quả lần lượt là -43,30% và -265,81%. Hơn nữa, các chỉ số về cơ cấu vốn ở mức thấp cho phép Công ty khai thác sức mạnh đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận và tận dụng nguồn lực từ các ngân hàng và tổ chức tài chính.

Trong năm nay, dù lợi nhuận sau thuế lỗ 13.574.087.554đ, tăng 71,40% so với năm 2023. Chi phí tăng do các khoản chi phí cho nhân viên, bao gồm tiền lương và phụ cấp, tăng mạnh. Chi tiêu cho thiết bị CNTT và dịch vụ thuê ngoài cũng tăng đồng thời với việc mở rộng kinh doanh. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi. Dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ. Dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư đồng thời chứng kiến sự tăng trưởng khi doanh nghiệp mới và khách hàng mới được giới thiệu. Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách về người lao động, đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định hiện hành. Chăm lo đến sức khỏe người lao động bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, đồng thời, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm đối với người lao động.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHCĐ thường niên năm vừa rồi.

HQĐT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGD những mục tiêu cao hơn để dần đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Song hành với việc phát triển doanh thu, thì việc tuân thủ các quy định của pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu, để đạt được mục tiêu này, HĐQT thực hiện:

- ✓ Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết ĐHCĐ và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan;
- ✓ Chỉ đạo việc tổ chức ĐHCĐ thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- ✓ Tăng cường giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động điều hành theo đúng định hướng kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua;
- ✓ Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
- ✓ Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế của Công ty.

V. Quản trị công ty

5.1. Hội đồng quản trị

– Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	1.421.550	0	22,50%

2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	0	0	0
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	0	0	0

- Các chức danh quản lý do từng thành viên HĐQT của Công ty nắm giữ tại các công ty khác như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT - Phu Hung Far East Holding Corporation; - Thành viên HĐQT - CX Technology Cayman; - Người đại diện - Freshfields Capital Corporation; - Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Phú Hưng.
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT - CTCP Bảo hiểm Phú Hưng.
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	Người đại diện theo pháp luật - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái.
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Phú Vinh.

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
– Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	17/01/2024	01/2024/NQ-HĐQT	- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đối với Bà Kuo, Ping-Min, kể từ ngày 16/02/2024. - Thông qua việc gia hạn thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu như sau: - Thông tin đã thông báo: “Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần: Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 15/01/2024.” - Thông tin thay đổi: “Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần: Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 12/03/2024.”
2	05/03/2024	02/2024/NQ-HĐQT	- Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo vốn điều lệ mới.

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện: Giao cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc tổ chức chỉ đạo, triển khai và hoàn tất các thủ tục liên quan để thực hiện việc báo cáo kết quả chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty và các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật.
3	02/04/2024	03/2024/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ nhiệm Bà Hồ Thúy Ái giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng, phụ trách quản lý đầu tư, tuân thủ, vận hành kể từ ngày 02/04/2024. - Thông qua ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 là ngày 26/04/2024. - Thông qua tài liệu trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023. <ol style="list-style-type: none"> 1) Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán phía Nam (AASCS). 2) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng trong năm tài chính 2023. 3) Tờ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo và đề xuất của Hội Đồng Quản Trị, với các nội dung như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023; • Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; • Thù lao cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Ban Kiểm Soát năm 2023; • Kế hoạch kinh doanh năm 2024; • Chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2024; • Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng; • Sửa đổi Điều lệ CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng.
4	24/05/2024	04/2024/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế Phòng, chống rửa tiền tại CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng (cập nhật năm 2024). - Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh Quý 1/2024 của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng.

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
5	29/08/2024	05/2024/NQ-HĐQT	- Thông qua Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng. - Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh Quý II/2024 của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng.
6	10/12/2024	06/2024/NQ-HĐQT	- Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh Quý III/2024 của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- ✓ HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm;
- ✓ Về tổng thể, công tác giám sát đối với Ban điều hành nói chung được duy trì có hệ thống và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, thỏa mãn các vấn đề về hoạt động kinh doanh và tài chính;
- ✓ HĐQT đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động trong công tác chỉ đạo nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

5.2. Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Liew Sep Siang	Trưởng BKS	0	0	0,00%
2	Lii, San-Rong	Thành viên BKS	0	0	0,00%
3	Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	0	0	0,00%

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Phiên họp ngày	Số biên bản họp	Nội dung
1	28/03/2024	01/2024/BB-BKS	Thông qua báo cáo thẩm định tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng cho

STT	Phiên họp ngày	Số biên bản họp	Nội dung
			năm tài chính 2023.

Trong năm 2024, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- ✓ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị, điều hành nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- ✓ Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua;
- ✓ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

– Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích chi tiết như sau:

ST T	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2024 (triệu đồng)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm 2024
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
2	Ông Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
3	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
4	Bà Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
2. BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Liew Sep Siang	Trưởng BKS	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
2	Ông Lii, San-Rong	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
3	Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024
3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ban Giám đốc		1.934,94	-	-	01/01/2024 - 31/12/2024

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: trong năm 2024, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, các nhà đầu tư và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

VI. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến Kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024

(Phụ lục đính kèm từ trang 18 đến trang 51)

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu KSNB

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



LƯU HUI - HUNG

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2024
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng)



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

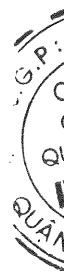
Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03- 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11 - 11
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
PHÚ HƯNG
PH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC – UBCK ngày 19 tháng 02 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 63.180.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Vân Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (7.919.696.923) VND; Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là (13.574.087.554) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (18.255.993.253) VND; Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là (31.830.080.807) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị:

Ông Albert, Kwang-Chin Ting	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông Ho, Feng Tao	Thành viên
Ông Wu, Jiu-Jeng	Thành viên
Bà Huang, Wan-Hui	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông Liew, Sep-Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Li, San-Rong	Thành viên
Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Lu, Hut-Huang	Tổng Giám đốc
Bà Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm từ ngày 16 tháng 02 năm 2024
Bà Hồ Thủy Ái	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm từ ngày 02 tháng 04 năm 2024
Bà Shu, Jingshia	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định khác có liên quan;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2024, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng, tại ngày lập báo cáo này phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 ngày 12 năm 2024.

Duyệt, ngày 24 tháng 02 năm 2025

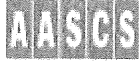
Thay mặt Hội đồng quản trị



Tr. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Thay mặt Ban Giám Đốc
Tổng Giám Đốc

Lư, Hui-Hung



Số: 59/JBCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành và Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS)



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN KTV: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyễn Thúy Mai

Số giấy CNDKHN KTV: 0848-2023-142-1

25
11
09
01
01
01
01
01

23-1
CÔNG
CỐ PH
AN L
CỦ H
FPH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.679.978.195	17.962.693.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.744.040.631	2.755.333.522
1. Tiền	111		2.734.040.631	2.755.333.522
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.010.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.390.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.390.000.000	12.000.000.000
2. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		970.401.286	1.865.650.247
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	340.105.509	287.086.885
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4.1	630.295.777	1.578.563.362
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		575.536.278	1.341.710.037
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 7.1	539.357.962	1.325.531.721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.10.2	16.178.316	16.178.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.215.068.489	5.162.448.000
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		729.199.391	729.199.391
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4.2	729.199.391	729.199.391
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
II. Tài sản cố định	220		332.551.967	151.773.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	109.417.797	151.773.081
- Nguyên giá	222		211.776.400	211.776.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(102.358.603)	(60.003.319)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	223.134.170	-
- Nguyên giá	228		661.694.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(438.560.132)	(397.464.302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.728.400.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.2	9.728.400.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.424.917.131	4.281.476.517
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	2.424.917.131	4.281.476.517
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		32.895.046.684	23.125.142.795
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.545.127.491	2.381.136.048
I. Nợ ngắn hạn	310		1.545.127.491	2.381.136.048
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.8	197.983.086	1.231.774.345
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.1	378.288.833	319.916.488
5. Phải trả người lao động	315		831.994.568	668.325.339
6. Chi phí phải trả	316	V.9	135.869.832	161.087.589
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		991.172	32.287
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		31.349.919.193	20.744.006.747
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	31.349.919.193	20.744.006.747
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.11	63.180.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.11	(31.830.080.807)	(18.255.993.251)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		32.895.046.684	23.125.142.796

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005	V.12	61,24	61,24
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý	006		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.13	1.407.556.513	56.450.742
8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		225.855.201	55.057.744
8.2 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		1.181.701.312	1.392.998
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.14	232.466.355.643	102.592.571.237
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		125.629.430.748	99.627.303.429
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		106.836.924.895	2.965.267.808
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.15	5.975.959.947	4.287.692.977
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.16	72.666.198	26.908.697

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Mai
Kế toán trưởng

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người duyệt



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01		5.075.467.842	6.118.140.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10	V.17	5.075.467.842	6.118.140.635
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		5.075.467.842	6.118.140.635
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	1.404.754.793	1.663.961.937
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.19	19.971.180.375	15.631.799.458
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(13.490.957.740)	(7.849.696.886)
10. Thu nhập khác	31		707.201	-
11. Chi phí khác	32	V.20	83.837.015	70.000.037
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(83.129.814)	(70.000.037)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(13.574.087.554)	(7.919.696.923)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(13.574.087.554)	(7.919.696.923)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.148)	(2.031)

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Mai
 Kế toán trưởng

Người duyệt



Lưu Hữu Hưng
 Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.022.447.968	6.026.047.316
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(4.953.208.530)	(2.517.091.600)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.833.993.243)	(5.906.461.362)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		820.701.681	994.751.793
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.448.826.249)	(10.546.908.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.392.878.373)	(11.949.662.849)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(264.230.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.340.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu từ việc bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.221.600.000	27.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.584.215.482	1.798.835.673
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.798.414.518)	13.798.835.673
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		24.180.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.180.000.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		2.988.707.109	1.849.172.824
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.755.333.522	906.119.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	41.337
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		5.744.040.631	2.755.333.522

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt

Lưu, Quý Hưng
Tổng Giám Đốc

0059
CỔ
T
DỊCH
SÁCH
VÀ
PH
T. P.

22
CỔ
CỔ
/ AN
H
T. P.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		01/01/2023	01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000	-	-	24.180.000.000	-	39.000.000.000	63.180.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(10.336.296.330)	(18.255.993.253)	-	(7.919.696.923)	-	(13.574.087.554)	(18.255.993.253)	(31.830.080.807)
Cộng		28.663.703.670	20.744.006.747	-	(7.919.696.923)	24.180.000.000	(13.574.087.554)	20.744.006.747	31.349.919.193

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Mai
Kế toán trưởng



11



Lập ngày 24 tháng 02 năm 2025
Người duyệt

Lưu Hải Hưng
Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC – UBCK ngày 19 tháng 02 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 63.180.000.000 VND.

Tư sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Vân Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ chứng khoán.

3. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Không có.

5. Tổng số nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 31 nhân viên trong đó có 11 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề (ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có 29 nhân viên trong đó có 12 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhất kỳ chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia số tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm máy tính 03 năm
- Máy móc thiết bị 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập thực chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn không quá 1 (một) năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp xác định giá trị thường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (không bao gồm Sản giao dịch Chứng khoán UpCom):

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

ĐÓNG
CHỮ
CÁC
TÀI
CHÍNH
VÀ
H
PH

PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

+ Giá trị sổ sách;

+ Giá mua;

+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom:

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

+ Giá trị sổ sách;

+ Giá mua;

+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá cũn tối thiểu 03 Công ty chứng khoán không phải là Công ty cổ liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

+ Giá từ các báo giá;

+ Giá của các kỳ hạo cáo gần nhất;

+ Giá trị sổ sách;

+ Giá mua;

+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá từ các báo cáo, giá cũn kỳ báo cáo gần nhất, giá trị sổ sách, giá mua, giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dụng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;

- Chi phí đi dờ vào phòng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay lại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 (một) năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 (một) năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Tăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch (lớn hơn/ nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu - ghi nhận ban đầu và trình bày

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

c. Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

d. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

ĐẠI
LIÊN
CÔNG
TY
QUẢN
LÝ
QUỸ
PHÚ
HƯNG
CHỖ
CHỮ
KÝ
VÀ
ĐÁ
NG
CHỮ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.734.040.631	2.755.333.522
Tiền gửi ngân hàng VND	2.732.565.972	2.753.858.863
Tiền gửi ngân hàng BIDV	2.203.554	163.860.250
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank	2.708.216.646	506.305.780
Tiền gửi ngân hàng Nam Á	4.549.069	2.041.297.324
Tiền gửi ngân hàng VIB	11.971.361	42.395.509
Tiền gửi ngân hàng khác	5.625.342	-
Tiền gửi ngân hàng USD	1.474.659	1.474.659
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1.474.659	1.474.659
Tương đương tiền	3.010.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (**)	3.010.000.000	-
Tổng cộng	5.744.040.631	2.755.333.522

Ghi chú:

(*) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

(**) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi số 86/HDTG/2024/H.NGHI ngày 28/10/2024, số tiền gửi 2.770.000.000 đồng, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 4,5%/năm, trả lãi cuối kỳ.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa số 214/2024/HDTG/2024-DTTC ngày 14/11/2024, số tiền gửi 240.000.000 đồng, kỳ hạn 2 tháng, lãi suất 2,9%/năm, trả lãi cuối kỳ.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	6.390.000.000	12.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng Nam Á (***)	6.390.000.000	12.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	6.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Cổ phần Tài chính Điện Lực (****)	6.000.000.000	-
Tổng cộng	12.390.000.000	12.000.000.000

Ghi chú:

(***) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi số 25-HDTG/2024/H.NGHI ngày 28/05/2024, số tiền gửi 3.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,7%/năm, trả lãi cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ghi chú (tiếp theo):

(***) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi số 14-HDTG/2024/H.NGHI ngày 27/02/2024, số tiền gửi 1.090.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 5,0%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(****) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi số 72-HDTG/2024/H.NGHI ngày 20/05/2024, số tiền gửi 2.300.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,2%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(*****) Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Cổ phần Tài Chính Điện Lực, số hợp đồng: 6 chứng chỉ, mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/chứng chỉ, ngày phát hành 04/07/2024, kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 6,7%/năm, lãi khi đáo hạn.

2.2. Dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
Trái phiếu	9.728.400.000	-
Tổng cộng	9.728.400.000	-

Ghi chú:

Thông tin trái phiếu

1. Đơn vị phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

Ngày phát hành: 09/05/2024

Số lượng trái phiếu: 37.371

Thời hạn trái phiếu: 1 năm 6 tháng

Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu

2. Đơn vị phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

Ngày phát hành: 15/04/2024

Số lượng trái phiếu: 59.913

Thời hạn trái phiếu: 1 năm 6 tháng

Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2024	31/12/2023
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	276.666.011	265.282.571
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	63.024.208	21.663.206
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	415.290	141.108
Tổng cộng	340.105.509	287.086.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
Lãi tiền gửi	210.428.128	1.088.547.940
Phải thu lãi trái phiếu	129.621.073	-
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	198.246.576	-
Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 (1)	92.000.000	92.000.000
Đặt cọc thuê căn hộ Crescent Residence 1	-	90.000.000
Đặt cọc thuê văn phòng	-	171.700.572
Phải thu tiền thuê nhà được miễn giảm	-	136.314.850
Tổng cộng	<u>630.295.777</u>	<u>1.578.563.362</u>

4.2. Dài hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
Đặt cọc thuê văn phòng (2)	608.199.391	608.199.391
Đặt cọc tiền thuê xe (3)	108.000.000	108.000.000
Đặt cọc vỏ bình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2.500.000	2.500.000
Đặt cọc thẻ taxi VinaSun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	<u>729.199.391</u>	<u>729.199.391</u>

Ghi chú:

(1) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 ngày 16 tháng 08 năm 2023, thời hạn thuê 12 tháng, phụ lục ngày 18 tháng 07 năm 2024, giá hạn từ ngày 01 tháng 09 năm 2024 đến ngày 31 tháng 08 năm 2025, giá thuê 158.000.000 đồng/quý. Đặt cọc trước 92.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 310523/PMH_PMHT_U9,10,11-20F có hiệu lực từ ngày 31 tháng 05 năm 2023, thời hạn 5 năm từ ngày 15 tháng 09 năm 2023 đến ngày 15 tháng 09 năm 2028. Đặt cọc trước 608.199.391 đồng.

(3) Hợp đồng thuê xe ô tô số 01/HBTX/LHT/QL-QPH/2022 thời hạn thuê 48 tháng từ ngày 23 tháng 12 năm 2022 đến ngày 23 tháng 12 năm 2026, số tiền thuê 27.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 108.000.000 đồng.

P. 22
 CÔNG
 CỐT
 QUẢN
 LÝ
 PHÚ HƯNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	60.003.319	60.003.319
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	42.355.284	42.355.284
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tổng trong năm	-	-	-	42.355.284	42.355.284
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	102.358.603	102.358.603
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	151.773.081	151.773.081
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	109.417.797	109.417.797

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong năm	-	-	-	264.230.000	264.230.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	264.230.000	264.230.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	661.694.302	661.694.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	41.095.830	41.095.830
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	41.095.830	41.095.830
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	438.560.132	438.560.132
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	223.134.170	223.134.170

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7.1 Ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
- Công cụ định kỳ xuất dòng	40.890.874	159.593.311
- Chi phí học phí	18.582.914	264.232.532
- Chi phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	-	441.276.000
- Bảo hiểm sức khỏe	37.595.537	56.146.878
- Chi phí thuê căn hộ	262.775.000	235.500.000
- Chi phí phân tích và truy cập dữ liệu	169.693.540	168.783.000
- Chi phí khác	29.820.097	-
Tổng cộng	559.357.962	1.325.531.721

7.2 Dài hạn

- Chi phí xây dựng, sửa chữa văn phòng	1.754.378.953	3.036.272.593
- Chi phí di dời thiết bị công nghệ thông tin	22.171.104	117.406.106
- Chi phí phần mềm	648.367.074	1.127.797.818
Tổng cộng	2.424.917.131	4.281.476.517

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	31/12/2023
Công ty TNHH TM XD Lưu Giang	-	1.031.902.378
Bloomberg Singapore Pte. Ltd	160.785.743	152.326.657
Đối tượng khác	37.197.343	47.545.310
Tổng cộng	197.983.086	1.231.774.345

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	31/12/2023
- Chi phí cấp quyền và dịch vụ phần mềm	92.542.432	116.809.095
- Chi phí kiểm toán	42.400.000	44.000.000
- Chi phí khác	927.400	278.494
Tổng cộng	135.869.832	161.087.589

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

10.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2023	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2024
- Thuế thu nhập cá nhân	303.460.145	722.770.396	665.311.913	360.918.628
- Thuế nhà thầu	16.456.343	69.737.246	68.823.384	17.370.205
- Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	319.916.488	795.507.642	737.135.297	378.288.833

10.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.178.316	-	-	16.178.316
Tổng cộng	16.178.316	-	-	16.178.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

11. VỐN CỔ PHẦN

	Số cổ phiếu	31/12/2024	31/12/2023
Vốn cổ phần được duyệt	6.318.000	63.180.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	6.318.000	63.180.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông (*)	6.318.000	63.180.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	6.318.000	63.180.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.318.000	63.180.000.000	39.000.000.000

Chú chú:

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Vốn góp tại ngày 31/12/2024	% sở hữu
Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	3.474.900	34.749.000.000	55,00%
Ông Albert, Kwang-Chin Tăng	1.421.550	14.215.500.000	22,50%
Ông Kwang, Hung-Ting	1.421.550	14.215.500.000	22,50%
Tổng cộng	6.318.000	63.180.000.000	100%

12. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	31/12/2024	31/12/2023
- USD	61,24	61,24
Tổng cộng	61,24	61,24

13. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2024	31/12/2023
13.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	225.855.201	55.057.744
- Hợp đồng 1908/2022/HĐUT-PHFM-NL (1)	145.478.268	55.057.744
- Hợp đồng 0108/2024/HĐUT-PHFM-DQD (2)	21.665.935	-
- Hợp đồng số 1106/2024/HĐUT-PHFM-VDA (3)	58.710.998	-
13.2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	1.181.701.312	1.392.998
- Hợp đồng 2609/2024/HĐUT-PHFM-FYI (4)	1.090.718.513	-
- Hợp đồng 2106/2023/HĐUT-PHFM-CYJ (5)	-	1.392.998
- Hợp đồng 1209/2024/HĐUT-PHFM-TSC (6)	3.876.623	-
- Hợp đồng số 1210/2023/HĐUT-PHFM-WMC (7)	87.106.176	-
Tổng cộng	1.407.556.513	56.450.742

Chi tiết khoản tiền gửi của từng nhà đầu tư ủy thác:

(1) Hợp đồng 1908/2022/HĐUT-PHFM-NL

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	55.057.744	41.527.419
Tăng trong năm	85.325.998.245	5.775.942.765
Giảm trong năm	85.235.577.721	5.762.412.380
Số cuối năm	145.478.268	55.057.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

(2) Hợp đồng 0108/2024/HĐUT-PHEM-DQD

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	26.403.797.831	-
Giảm trong năm	26.382.131.896	-
Số cuối năm	21.665.935	-

(3) Hợp đồng số 1106/2024/HĐUT-PHEM-VDA

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	3.972.456.433	-
Giảm trong năm	3.913.745.433	-
Số cuối năm	58.710.998	-

(4) Hợp đồng 2609/2024/HĐUT-PHEM-FYI

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	-	20.372.971
Tăng trong năm	106.091.999.258	15.484.537.626
Giảm trong năm	105.001.280.743	15.504.910.597
Số cuối năm	1.090.718.513	-

(5) Hợp đồng 2106/2023/HĐUT-PHEM-CYJ

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	1.392.998	-
Tăng trong năm	3.226.976.436	3.100.076.658
Giảm trong năm	3.228.369.434	3.098.683.690
Số cuối năm	-	1.392.998

(6) Hợp đồng 1209/2024/HĐUT-PHEM-TSC (6)

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.020.008.059	-
Giảm trong năm	1.016.131.436	-
Số cuối năm	3.876.623	-

(7) Hợp đồng số 1210/2023/HĐUT-PHEM-WMC

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	5.992.421.672	-
Giảm trong năm	5.905.315.496	-
Số cuối năm	87.106.176	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2024	31/12/2023
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	125.629.430.748	99.627.303.429
Chứng chỉ quỹ	45.722.930.000	37.070.810.000
Trái phiếu niêm yết	67.692.367.498	62.556.493.429
Cổ phiếu niêm yết	6.659.120.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	5.555.013.250	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	106.836.924.895	2.965.267.808
Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	-
Chứng chỉ quỹ	1.027.650.000	-
Trái phiếu niêm yết	5.788.873.367	2.965.267.808
Trái phiếu chưa niêm yết	77.734.931.528	-
Cổ phiếu niêm yết	2.285.470.000	-
Tổng cộng	232.466.355.643	102.592.571.237

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2024	31/12/2023
Phải thu trái tức	5.942.121.015	4.287.692.977
Phải thu cổ tức	27.370.000	-
Phải thu khác	6.468.932	-
Tổng cộng	5.975.959.947	4.287.692.977

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2024	31/12/2023
Phải trả phí quản lý	63.027.915	22.715.315
Phải trả ghi lưu ký	9.638.283	4.193.382
Tổng cộng	72.666.198	26.908.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

17. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng)

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu thuần bao gồm		
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	503.479.022	500.613.177
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.408.290.323	3.761.516.129
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ mở-PHVSF (**)	2.754.152.710	1.584.197.096
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	399.525.402	265.049.737
- Doanh thu khác	10.020.385	6.764.496
Tổng cộng	5.075.467.842	6.118.140.635

Ghi chú:

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vọng Việt Nam (VPDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hằng Thông (HTDF) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

(**) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam (PHVSF), quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý bằng 1,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Số tiền dịch vụ nhận được hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
- Lãi tiền gửi ngân hàng	904.342.246	1.663.920.600
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	500.412.547	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	41.337
Tổng cộng	1.404.754.793	1.663.961.937

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	10.743.924.538	10.752.192.799
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.685.050.667	393.294.581
- Chi phí khấu hao TSCĐ	83.451.114	42.058.284
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.902.639.081	3.888.346.182
- Chi phí bằng tiền khác	553.114.975	552.620.614
Tổng cộng	19.971.180.375	15.631.799.458

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
- Ứng hộ ra bên ngoài	50.000.000	50.000.000
- Các khoản phạt	-	20.000.000
- Chi phí khác	33.837.015	37
Tổng cộng	83.837.015	70.000.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:</i>		
Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2023
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.574.087.554)	(7.919.696.923)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	525.113.015	18.347
+ Các khoản điều chỉnh tăng	525.113.015	18.347
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	(13.048.974.539)	(7.919.678.576)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường (20%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.574.087.554)	(7.919.696.923)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2024	31/12/2023
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong năm báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý.	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong năm.	-	-
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28.

4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Không có.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có kế hoạch cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

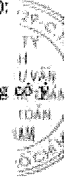
6. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	6.318.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	6.318.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu	
	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	6.318.000	3.900.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	-	-

7. Giao dịch với các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	Góp vốn	13.299.000.000	-
Ông Albert, Kwang-Chin Ting	Góp vốn	5.440.500.000	-
Ông Kwang, Hung-Ting	Góp vốn	5.440.500.000	-
Ban Giám đốc	Thu nhập	1.934.942.123	2.482.351.024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8. Quản lý rủi ro của công ty

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

8.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính...

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính của Công ty là bằng Đồng Việt Nam.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chi số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

8.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

a. Đối với khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

Công ty giám thiếu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để dồn đốc thu hồi.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
31/12/2024				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	197.983.086	-	-	197.983.086
Chi phí phải trả	135.869.832	-	-	135.869.832
Phải trả người lao động	831.994.568	-	-	831.994.568
Các khoản phải trả khác	991.172	-	-	991.172
31/12/2023				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.231.774.345	-	-	1.231.774.345
Chi phí phải trả	161.087.589	-	-	161.087.589
Phải trả người lao động	668.325.339	-	-	668.325.339
Các khoản phải trả khác	32.287	-	-	32.287

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.744.040.631	2.755.333.522	5.744.040.631	2.755.333.522
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	340.105.509	287.086.885	340.105.509	287.086.885
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.359.495.168	2.307.762.753	1.359.495.168	2.307.762.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	197.983.086	1.231.774.345	197.983.086	1.231.774.345
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	831.994.568	668.325.339	831.994.568	668.325.339
Chi phí phải trả	135.869.832	161.087.589	135.869.832	161.087.589
Các khoản phải trả khác	991.172	32.287	991.172	32.287

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu hoạt động nghiệp vụ, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng) của các khoản mục này đo có kỳ hạn ngắn.

10. Thông tin so sánh:

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phú Nam (AASCS).

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Mai
Kế toán trưởng

Lập, ngày 2A tháng 02 năm 2025

Người duyệt



Lu, Hai-Hung
Tổng Giám Đốc

